

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Tổ 2, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn*: Ông Trần Trung Th, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Khối B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: nguyên đơn, bà Trần Thị N và bị đơn, ông Trần Trung Th.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Trần Trung Th thống nhất thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

2) Về con chung: có 02 con chung, tên là:

+ Trần Trung Gia H, sinh ngày 25/3/2013

+ Trần Trung Đăng K, sinh ngày: 03/5/2018

Bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Trung Đăng K, ông Trần Trung Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Trung Gia H sau khi ly hôn. Ông Trần Trung Th cấp dưỡng nuôi cháu Trần Trung Đăng Kh mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 01/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà N và ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3) Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4) Về án phí: Bà Trần Thị N tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Trần Trung Th, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0019141 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Bà Trần Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- CCTHADS thành phố Hội An;
- UBND p. C, Tp. Hội An;
- (Số: 45; quyền số 18/2013)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + án văn.

THẨM PHÁN

Võ Như Biên